

Họ, tên thí sinh:

Mã đề: 1203

Số báo danh:

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**Câu 1:** Bậc của đa thức $4x^3y^2 - 2x^2y + 7$ là:

A. 2

B. 6

C. 3

D. 5

Câu 2: Một thang dài 5 m dựa vào tường, chân thang cách tường 3 m. Thang chạm tường ở độ cao:

A. 4 m

B. 8 m

C. 2 m

D. $\sqrt{34}$ m**Câu 3:** Đơn thức $5x^3y^2$ có bậc bằng:

A. 6

B. 3

C. 5

D. 2

Câu 4: Bậc của đa thức $2x^3y - 5x^2y^2 + xy + 7$ là:

A. 3

B. 5

C. 4

D. 2

Câu 5: Cho $a + b = 6$ và $ab = 5$. Giá trị của $a^2 + b^2$ là:

A. 16

B. 31

C. 26

D. 36

Câu 6: Rút gọn biểu thức $(2x - 1)(2x + 1) - 4x^2$ ta được:A. $-8x^2 - 1$ B. $8x^2 - 1$

C. -1

D. 1

Câu 7: Sau khi thu gọn đơn thức $3x \cdot (-2x^3 \cdot y) \cdot y$ ta được đơn thức:A. $-6x^4 \cdot y^2$ B. $-x^3 \cdot y^2$ C. $-6x^3 \cdot y^2$ D. $6x^4 \cdot y^2$ **Câu 8:** Thực hiện phép tính $(12x^4y^3) : (4x^2y)$ ta được:A. $3x^2y^2$ B. $3x^2y^3$ C. $8x^2y^2$ D. $3x^6y^4$

Câu 9: Phân tích đa thức $x^2 + 5x + 4$ thành nhân tử, ta được:

A. $(x + 1)(x + 4)$

B. $(x - 1)(x - 4)$

C. $x(x + 5)$

D. $(x + 1)^2$

Câu 10: Phân tích đa thức $xy + 3x + y + 3$ thành nhân tử, ta được:

A. $x(y + 3)$

B. $(x + 3)(y + 1)$

C. $(x + 1)(y + 3)$

D. $(x + 1)(y + 1)$

Câu 11: Tính nhanh giá trị biểu thức $35^2 - 32^2$:

A. 198

B. 205

C. 200

D. 201

Câu 12: Hệ số tự do trong khai triển $(x - 7)^2$ bằng:

A. 58

B. 49

C. 51

D. 40

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 7. Câu 1–5: trả lời ngắn (ghi đáp số); câu 6–7: tự luận (trình bày lời giải).

Câu 1: Trong khai triển $(x + 6)^3$, hệ số của x^2 bằng: Trả lời:

Câu 2: Giá trị của biểu thức $x^2 - 4$ tại $x = 2$ bằng: Trả lời:

Câu 3: Bậc của đơn thức $5x^5y^2$ là: Trả lời:

Câu 4: Tích $2x^3 \cdot 8x^2$ có hệ số bằng: Trả lời:

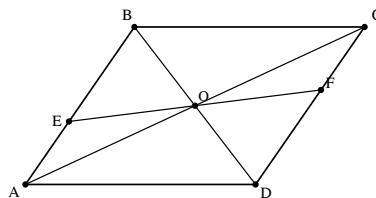
Câu 5: Trong khai triển $(x + 1)^2 = x^2 + bx + 1^2$, hệ số b bằng: Trả lời:

Câu 6: Cho hình bình hành ABCD. Trên cạnh AB lấy điểm E, trên cạnh CD lấy điểm F sao cho $AE = CF$.

a) Chứng minh tứ giác AECF là hình bình hành.

b) Gọi O là giao điểm của AC và BD. Chứng minh ba đường thẳng AC, BD và EF cùng đi qua O.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)

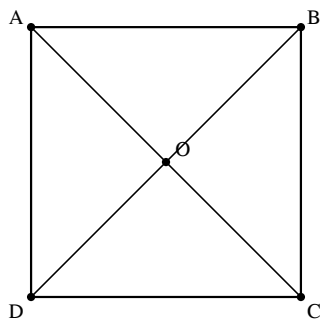


Câu 7: Cho hình chữ nhật ABCD có $AB = BC$. Hai đường chéo AC và BD cắt nhau tại O .

a) Chứng minh tứ giác ABCD là hình vuông.

b) Chứng minh AC vuông góc với BD.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)



----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO — Đề thi thử giữa học kỳ 1 môn Toán lớp 8 — Đề số 4

Phần I. Trắc nghiệm 4 phương án

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	A	C	C	C	C	A	A	A	C	D	B

Phần II. Tự luận

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	18	0	7	16	2	(TL)	(TL)

** Lời giải chi tiết từng câu chỉ hiển thị sau khi mở khoá đáp án của đề (hoặc mua trọn bộ).*